TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 03-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Phước L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số B, khu phố A, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023), có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số C, ấp C Ông B, xã A, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số D, ấp C Ông B, xã A, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn L1 trình bày:

Vào ngày 20/9/2022, ông Huỳnh Phước L có cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay để có vốn canh tác cây thanh long.

Quá trình vay, ông Đ và bà L2 không trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông L như thỏa thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông L số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất vay, yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện của ông L, bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của ông L. Đây là nợ của con bà tên Nguyễn Phước Đ. Sau khi vay, do ông Đ không thanh toán nợ nên vào khoảng tháng 8/2023 ông L đến nhà ông Đ đòi nợ lúc này có mặt bà nên ông L yêu cầu bà ký tên vào giấy nhận nợ, thực tế bà không biết cũng như không có nhận số tiền vay này.

Ông Nguyễn Phước Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, bà T cho rằng không có vay nợ ông L, bà chỉ ký tên vào giấy nhận nợ theo yêu cầu của ông L là không có cơ sở bởi bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị ép buộc cũng như không chứng minh được việc bà không có nợ ông L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Phước L có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ và bà T cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Phước Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông Đ tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông Đ đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình.

[3] Đối với trình bày của bà T cho rằng bà không có vay tiền của ông L mà là nợ của con bà tên Nguyễn Phước Đ, do ông Đ không thanh toán nợ nên ông L yêu cầu bà ký tên vào giấy nhận nợ. Việc này, không được ông L thừa nhận và bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị ép buộc và chứng minh không có nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào "biên nhận" do ông Long cung c có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc bà T và ông Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên bà T và ông Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định [500.000.000 đồng = (20.000.000 đồng + 4% của phần vượt 400.000.000 đồng) = 24.000.000 đồng]. Tuy nhiên, bà T được miễn án phí do có đơn xin miễn án phí thuộc diện người cao tuổi. Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.000.000 đồng. Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Huỳnh Phước L đối với ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Phước L số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Phước Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008580 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy